

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định số 2653/QĐ-BNNMT ngày 11/7/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 3317/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày*

20/6/20205 Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 968/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 8 năm 2025.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Công bố 06 Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, trong đó: 04 TTHC lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (03 TTHC thẩm quyền cấp tỉnh, 01 TTHC thẩm quyền cấp xã); 02 TTHC lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (thẩm quyền cấp tỉnh).

2. Công bố 11 Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại:

- Số thứ tự 6,7 mục I; số thứ tự 3 mục II phần A và số thứ tự 1,2 mục I; số thứ tự 1,2,4 mục II phần B của Phụ lục kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Số thứ tự 1,2 mục A, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Số thứ tự 6 phần I, Phụ lục kèm theo Quyết định 1546/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(Có Phụ lục I kèm theo)

3. Bãi bỏ 05 Danh mục thủ tục hành chính tại số thứ tự 4,10 mục I; phần A; số thứ tự 6 mục II; phần A; số thứ tự 5 mục I; phần B; số thứ tự 1 phần C Phụ lục kèm theo Quyết định số 1409/QĐ -UBND ngày 13/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình

nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

*(Có Phụ lục II kèm theo)*

**4.** Phê duyệt 17 Quy trình nội bộ giải quyết đối với thủ tục hành chính lĩnh Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường và bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự số thứ tự 4, 6, 7, 10, 13, 16 mục A; toàn bộ mục B; mục C phần II kèm theo Quyết định số 1409/QĐ -UBND ngày 13/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường; bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2 phần I, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; số thứ tự 6, phần I, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

*(Có Phụ lục III kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Viễn thông Sơn La (VNPT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, Hương (03b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Ngọc Hậu**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm        của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (06)**

| TT                              | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết                                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                  | Cách thức thực hiện                                                 | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I                               | CẤP TỈNH                                                                                                                                                                            |                                                                                     |                                                                                                                     |                                                                     |                    |                                                                                                                                                                                                                                     |
| LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM |                                                                                                                                                                                     |                                                                                     |                                                                                                                     |                                                                     |                    |                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1                               | Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý<br>Mã TTHC: 3.000501 | 19 ngày                                                                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không              | Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. |
| 2                               | Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITIES (Trường hợp cơ sở                                                                         | - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 02 ngày làm việc ;<br>- Trường hợp cần kiểm tra thực tế: | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại                                               | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ                    | Không              | - Luật Lâm nghiệp 2017;<br>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025                                                                                                                                                   |

|  |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                      |                           |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>nuôi, trồng đã được cấp mã số có thay đổi, bổ sung địa điểm nuôi, trồng, mục đích nuôi, trồng hoặc bổ sung loài nuôi, trồng mới, tổ chức)</p> <p>Mã TTHC: 3.000496</p> | <p>10,5 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES ;</p> <p>- Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật,</p> | <p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p> | <p>bưu chính công ích</p> |  | <p>của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</p> <p>- Khoản 5, Điều 26 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.</p> |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                          | thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 6,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                                             |  |  |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3 | <p>Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES</p> <p>Mã TTHC: 1.004819</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 02 ngày làm việc ;</li> <li>- Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 10,5 ngày làm việc;</li> <li>- Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban</li> </ul> |  |  | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Lâm nghiệp 2017;</li> <li>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</li> <li>- Điều 26, Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật,</li> </ul> |

|                                                         |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                       |                                                  |       |                                                                     |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                         |                                                                                                                | thư ký CITES ;<br>- Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 6,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |                                                                       |                                                  |       | thực vật hoang dã nguy cấp.                                         |
| <b>LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC</b> |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                       |                                                  |       |                                                                     |
| 4                                                       | Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị | 7.5 ngày làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ | Không | - Luật đa dạng sinh học 2008;<br>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày |

|   |                                                                                                                                                                     |                  |                                                                                                                                       |                                                                                      |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | thu hồi giấy chứng nhận<br>Mã TTHC: 1.014021                                                                                                                        |                  | Trung tâm phục vụ<br>hành chính công<br>tỉnh Sơn La                                                                                   | bưu chính<br>công ích                                                                |       | 12 tháng 6 năm 2025<br>của Chính phủ quy định<br>phân quyền, phân cấp<br>trong lĩnh vực nông<br>nghiệp và môi trường;<br>- Điều 22 Thông tư số<br>27/2025/TT-BNNMT<br>ngày 24 tháng 6 năm<br>2025 của Bộ trưởng Bộ<br>Nông nghiệp và Môi<br>trường Quy định về quản<br>lý loài nguy cấp, quý,<br>hiếm; nuôi động vật rừng<br>thông thường và thực thi<br>Công ước về buôn bán<br>quốc tế các loài động vật,<br>thực vật hoang dã nguy<br>cấp. |
| 5 | Quy trình thực hiện thả lại<br>loài động vật nguy cấp, quý,<br>hiếm được ưu tiên bảo vệ<br>nuôi sinh sản tại cơ sở bảo<br>tồn đa dạng sinh học<br>Mã TTHC: 1.014022 | 12 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận<br>và trả kết quả của<br>Sở Nông nghiệp và<br>Môi trường tại<br>Trung tâm phục vụ<br>hành chính công<br>tỉnh Sơn La | Tiếp nhận<br>trực tiếp, trực<br>tuyến hoặc<br>qua dịch vụ<br>bưu chính<br>công ích - | Không | - Luật Đa dạng sinh học<br>năm 2008;<br>- Nghị định số<br>136/2025/NĐ-CP ngày 12<br>tháng 6 năm 2025 của<br>Chính phủ quy định phân<br>quyền, phân cấp trong<br>lĩnh vực nông nghiệp và<br>môi trường;<br>- Điều 11 Thông tư số                                                                                                                                                                                                               |

|                                        |                                                                                                                                                                                               |         |                                                                                                                     |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                        |                                                                                                                                                                                               |         |                                                                                                                     |                                                                     |       | 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. |
| <b>II. CẤP XÃ</b>                      |                                                                                                                                                                                               |         |                                                                                                                     |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM</b> |                                                                                                                                                                                               |         |                                                                                                                     |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 6                                      | Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư<br><br>Mã TTHC: 3.000502 | 18 ngày | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.                        |

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (11)**

| TT                                     | Tên thủ tục hành chính                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                                  | Cách thức thực hiện                                                 | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>                               | <b>CẤP TỈNH</b>                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                     |                                                                     |                    |                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM</b> |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                     |                                                                     |                    |                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1                                      | Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng<br>Mã TTHC: 1.012413 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành; khu vực quốc phòng: 15 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng: 09 ngày làm việc.</li> </ul> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không              | Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 227/2024/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. |

|   |                                                                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                                                     |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ<br>Mã TTHC: 3.000160                       | - Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 3,5 ngày làm việc;<br>- Trường hợp kiểm tra, xác minh: 8,5 ngày làm việc   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;<br>- Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Chương III Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. |
| 3 | Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ | - 05 ngày làm việc đối với trường hợp không cần xác minh.<br>- 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp cần xác minh. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công             | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính          | Không | Điều 6, Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

|                                                         |                                                                                           |                                                                                                                |                                                                                                                                                     |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                         | quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng<br>Mã TTHC: 1.011470                    |                                                                                                                | tỉnh Sơn La                                                                                                                                         | công ích                                                            |       | toàn dân.                                                                                                                                                                               |
| 4                                                       | Xác nhận bảng kê lâm sản<br>Mã TTHC: 1.000045                                             | - Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 1,5 ngày làm việc;<br>- Trường hợp kiểm tra, xác minh: 03 ngày làm việc | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La<br>- Hạt Kiểm lâm các khu vực | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | Điều 5 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. |
| 5                                                       | Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên<br>Mã TTHC: 1.000047 | - Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 4 ngày làm việc;<br>- Trường hợp kiểm tra, xác minh: 4,5 ngày làm việc  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La                                 | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | Điều 7 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. |
| <b>LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC</b> |                                                                                           |                                                                                                                |                                                                                                                                                     |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                         |
| 6                                                       | Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên                      | 13,5 ngày làm việc                                                                                             | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                   | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư 25/2016/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của                                                                             |

|  |                   |  |                                                          |          |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--|-------------------|--|----------------------------------------------------------|----------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Mã TTHC: 1.008672 |  | trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | công ích |  | <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;</p> <p>- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn, thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>Điều 21 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> |
|--|-------------------|--|----------------------------------------------------------|----------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |                                                                                                                |                  |                                                                                                                     |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7 | Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ<br>Mã TTHC: 1.008675 | 12 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008;</li> <li>- Nghị định số 160/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;</li> <li>- Điều 13 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.</li> </ul> |
| 8 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học<br>Mã TTHC: 1.008682                                        | 20 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                   | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ                    | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008;</li> <li>- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

|                                 |                                                                                                                                                        |                                                                                                                   |                                                                           |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                 |                                                                                                                                                        |                                                                                                                   | trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La                  | bưu chính công ích                                                  |       | quy định chi tiết hướng dẫn, thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học;<br>Điều 21 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.                                                     |
| II                              | CẤP XÃ                                                                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                           |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                                                                               |
| LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM |                                                                                                                                                        |                                                                                                                   |                                                                           |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                                                                               |
| 9                               | Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã<br>Mã TTHC: 1.011471 | - 05 ngày làm việc đối với trường hợp không cần xác minh.<br>- 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp cần xác minh. | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | Điều 6, Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân                                             |
| 10                              | Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng<br>Mã TTHC: 1.012922                                               | 3,5 ngày                                                                                                          | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | - Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng.<br>- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 |

|    |                                                                                                        |         |                                                                           |                                                                     |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                        |         |                                                                           |                                                                     |       | cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 11 | Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân<br>Mã TTHC: 1.012531 | 15 ngày | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;</li> <li>- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul> |

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm        của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| <b>I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |                              |                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>TT</b>                                      | <b>Mã thủ tục hành chính</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                           | <b>Tên Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1                                              | 1.004815                     | Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;</li> <li>- Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul> |
| 2                                              | 1.012688                     | Quyết định giao rừng cho tổ chức                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</li> <li>- Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/20205 Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                    |

|                                                  |          |                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3                                                | 1.007917 | Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 22 Thông tư số 16/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;</li> <li>- Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/20205 Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul>                                                             |
| <b>II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b> |          |                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4                                                | 3.000154 | Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;</li> <li>- Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul> |
| <b>III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>   |          |                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 5                                                | 1.012693 | Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> <li>- Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/20205 Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul>                                                                        |

**PHỤ LỤC III**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM,**  
**LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-UBND ngày        tháng        năm        của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**1. Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng**

**\* Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành; khu vực quốc phòng:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày làm việc
- Quy trình:

| TT | Trình tự thực hiện                                                        | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                                      | Thời gian thực hiện |
|----|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                               | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                     | 1/4 ngày            |
| B2 | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm thụ lý thẩm định hồ sơ | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng phân công thụ lý                             | Ý kiến phân công                                        | 1/4 ngày            |
|    |                                                                           | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng tham mưu thực hiện          | Kết quả kiểm tra, xác minh và trình dự thảo các văn bản | 05 ngày             |
|    |                                                                           | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng xét duyệt                                    | Ý kiến xét duyệt                                        | 1/4 ngày            |
| B3 | Xem xét và phê duyệt                                                      | Lãnh đạo Chi cục                                                                       | Ý kiến xét duyệt                                        | 1/4 ngày            |

| TT                              | Trình tự thực hiện                                                          | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                                                                                                | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B4                              | Ký duyệt hồ sơ                                                              | Lãnh đạo Sở                                                                            | Ý kiến phê duyệt                                                                                                  | 1/4 ngày            |
| B5                              | Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC                              | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng                             | Văn bản phát hành ( <i>Báo cáo thẩm định, Tờ trình; Dự thảo văn bản xin ý kiến bộ ngành và QĐ của UBND tỉnh</i> ) | 1/4 ngày            |
| B6                              | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                  | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Đính kèm HS liên thông ( <i>scan</i> )                                                                            | 1/4 ngày            |
| B7                              | Liên thông UBND tỉnh giải quyết ( <i>Xem xét, xin ý kiến và phê duyệt</i> ) |                                                                                        |                                                                                                                   | 08 ngày             |
| B7.1                            | <i>Lấy ý kiến bộ ngành</i>                                                  | <i>UBND tỉnh</i>                                                                       | <i>Văn bản xin ý kiến</i>                                                                                         | <i>01 ngày</i>      |
| B7.2                            | <i>Bộ ngành tiếp nhận và xử lý</i>                                          | <i>Bộ ngành có liên quan</i>                                                           | <i>Văn bản ý kiến của Bộ ngành</i>                                                                                | <i>04 ngày</i>      |
| B7.3                            | <i>Xem xét và phê duyệt</i>                                                 | <i>UBND tỉnh</i>                                                                       | <i>QĐ phê duyệt</i>                                                                                               | <i>03 ngày</i>      |
| B8                              | Trả kết quả                                                                 | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh                                                    | Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )                                                                     | 1/4 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                             |                                                                                        |                                                                                                                   | <b>15 ngày</b>      |

**\* Trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 9 ngày làm việc
- Quy trình:

| TT | Trình tự thực hiện                                                        | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                                                                 | Thời gian thực hiện |
|----|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                               | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Kèm theo scan hồ sơ                                                                | 1/4 ngày            |
| B2 | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm thụ lý thẩm định hồ sơ | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng phân công thụ lý                             | Ý kiến phân công                                                                   | 1/4 ngày            |
|    |                                                                           | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng tham mưu thực hiện          | Kết quả kiểm tra, xác minh và trình dự thảo các văn bản                            | 04 ngày             |
|    |                                                                           | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng xét duyệt                                    | Ý kiến xét duyệt                                                                   | 1/4 ngày            |
| B3 | Xem xét và phê duyệt                                                      | Lãnh đạo Chi cục                                                                       | Ý kiến xét duyệt                                                                   | 1/4 ngày            |
| B4 | Ký duyệt hồ sơ                                                            | Lãnh đạo Sở                                                                            | Ý kiến phê duyệt                                                                   | 1/4 ngày            |
| B5 | Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC                            | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng                             | Văn bản phát hành ( <i>Báo cáo thẩm định, Tờ trình, Dự thảo QĐ của UBND tỉnh</i> ) | 1/4 ngày            |
| B6 | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Đính kèm HS liên thông ( <i>scan</i> )                                             | 1/4 ngày            |
| B7 | Liên thông UBND tỉnh giải quyết ( <i>Xem xét và phê duyệt</i> )           |                                                                                        |                                                                                    | 03 ngày             |
| B8 | Trả kết quả                                                               | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh                                                    | Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )                                      | 1/4 ngày            |

| TT                              | Trình tự thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | Sản phẩm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|---------------------|
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                    |                       |                    | <b>9 ngày</b>       |

**2. Tên TTHC:** Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên (*phục vụ các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; phục vụ công tác đối ngoại theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*)

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 13,5 ngày làm việc

- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện                     | Trách nhiệm thực hiện                                         | Sản phẩm thực hiện                                                                                             | Thời gian thực hiện |
|----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ            | Bộ phận TN&TKQ<br>Sở NN&MT tại Trung tâm phục vụ HCC tỉnh     | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ                                                                     | 1/2 ngày            |
| B2 | Phòng Phòng Sử dụng và Phát triển rừng | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng                     | Ý kiến phân công                                                                                               | 1/2 ngày            |
|    |                                        | Chuyên viên/Kiểm lâm viên<br>Phòng Sử dụng và Phát triển rừng | Tham mưu thẩm định, thực hiện Dự thảo các văn bản ( <i>Báo cáo thẩm định, Tờ trình và Dự thảo Quyết định</i> ) | 8 ngày              |
|    |                                        | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng                     | Ý kiến xét duyệt                                                                                               | 1/2 ngày            |

|                                 |                                                                                                                   |                                                  |                                                                                  |                  |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| B3                              | Xem xét và phê duyệt                                                                                              | Lãnh đạo Chi cục                                 | Ý kiến xét duyệt                                                                 | 1/2 ngày         |
| B4                              | Ký duyệt hồ sơ                                                                                                    | Lãnh đạo Sở                                      | Phê duyệt Tờ trình và Dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành | 1/2 ngày         |
| B5                              | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                                        | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh | Đính kèm HS liên thông (scan)                                                    | 1/4 ngày         |
|                                 | Liên thông UBND tỉnh                                                                                              |                                                  |                                                                                  | 02 ngày          |
|                                 | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |                                                  |                                                                                  | 1/2 ngày         |
| B6                              | Tiếp nhận hồ sơ liên thông và trả kết quả                                                                         | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh              | Quyết định                                                                       | 1/4 ngày         |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                                                   |                                                  |                                                                                  | <b>13,5 ngày</b> |

**3. Tên thủ tục hành chính: Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận**

- Thời gian thực tế giải quyết sau khi cắt giảm: 7.5 ngày làm việc
- Quy trình

| TT | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                                   | Sản phẩm thực hiện             | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN & TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ | ½ ngày              |

|                                  |                                                                                                                   |                                                                    |                                                                                                                                                                |                 |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                  |                                                                                                                   | tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh                                   |                                                                                                                                                                |                 |
| B2                               | Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH, Chi cục Kiểm Lâm thụ lý hồ sơ                             | Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH    | Ý kiến phân công thụ lý                                                                                                                                        | 3 ngày          |
|                                  |                                                                                                                   | Chuyên viên phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH | Xây dựng dự thảo văn bản ( <i>Tờ trình, quyết định</i> ) trình lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định trình cấp trên hoặc văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ nếu chưa đủ |                 |
|                                  |                                                                                                                   | Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH    | Ý kiến xét duyệt                                                                                                                                               |                 |
| B3                               | Xét duyệt                                                                                                         | Lãnh đạo Chi cục Kiểm Lâm                                          | Ý kiến trình duyệt                                                                                                                                             | ½ ngày          |
|                                  | Ký duyệt hồ sơ                                                                                                    | Lãnh đạo Sở                                                        | Ký duyệt Tờ trình, giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành                                                                                                      | ½ ngày          |
| B4                               | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                                        | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh                | Đính kèm HS liên thông ( <i>scan</i> )                                                                                                                         | ½ ngày          |
| B5                               | Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt                                           |                                                                    |                                                                                                                                                                | 1, 5 ngày       |
|                                  | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |                                                                    |                                                                                                                                                                | ½ ngày          |
| B6                               | Tiếp nhận, chuyển liên thông, trả kết quả cho khách hàng                                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh                | Kết quả liên thông                                                                                                                                             | ½ ngày          |
| <b>Tổng thời gian thực hiện:</b> |                                                                                                                   |                                                                    |                                                                                                                                                                | <b>7.5 ngày</b> |

**4. Tên thủ tục hành chính: Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học**

- Thời gian giải quyết: 12 ngày làm việc

- Quy trình:

| TT | Trình tự thực hiện                                                      | Trách nhiệm thực hiện                                                                                                                                                                      | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                                                   | Thời gian thực hiện |
|----|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                             | Bộ phận TN & TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh                                                                                                   | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                                                                                                       | ½ ngày              |
| B2 | Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH                  | Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH                                                                                                                            | Ý kiến phân công thụ lý                                                                                                                                              | 1 ngày              |
|    |                                                                         | Chuyên viên phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH                                                                                                                         | Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản xin ý kiến các cơ quan tham vấn hoặc văn bản đề nghị bổ sung gửi chủ cơ sở trong trường hợp không đủ thành phần hồ sơ theo quy định |                     |
|    |                                                                         | Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH                                                                                                                            | Ý kiến xét duyệt                                                                                                                                                     |                     |
| B3 | Xét duyệt                                                               | Lãnh đạo Chi cục Kiểm Lâm                                                                                                                                                                  | Ý kiến trình duyệt                                                                                                                                                   | ½ ngày              |
|    | Xin ý kiến tham vấn                                                     | Sở Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến tham vấn ( <i>cơ quan khoa học CITES, cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia có liên quan và cơ quan có thẩm quyền quản lý khu vực dự kiến thả</i> ) | Ký duyệt Công văn, giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành                                                                                                            | ½ ngày              |
| B4 | Các cơ quan tham vấn ( <i>cơ quan khoa học CITES, cơ quan quản lý</i> ) |                                                                                                                                                                                            | Văn bản trả lời của cơ quan Tham vấn cho                                                                                                                             | 07 ngày             |

|                           |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                   |         |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                           | nhà nước, chuyên gia có liên quan và cơ quan có thẩm quyền quản lý khu vực dự kiến thả)                           |                                                                                                                                                                                                                              | sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                      |         |
| B5                        | Phê duyệt phương án thả                                                                                           | Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt phương án thả (sau khi nhận nhận được kết quả của cơ quan tham vấn) hoặc từ chối phê duyệt và yêu cầu bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do bằng văn bản cho chủ cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học |                                                                                                                                                   | ½ ngày  |
| B6                        | Liên thông UBND tỉnh                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                   | 1 ngày  |
|                           | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                   | ½ ngày  |
| B7                        | Tiếp nhận, chuyển liên thông, trả kết quả cho khách hàng                                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh                                                                                                                                                                          | Quyết định thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận | ½ ngày  |
| Tổng thời gian thực hiện: |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                   | 12 ngày |

**5 .Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 12 ngày làm việc

- Quy trình:

| TT | Trình tự thực hiện                                | Trách nhiệm thực hiện                                   | Sản phẩm thực hiện             | Thời gian thực hiện |
|----|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                       | Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công   | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ | 1/2 ngày            |
| B2 | Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và | Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên | Ý kiến phân công thụ lý        | 1/2 ngày            |

|           |                                     |                                                                                                                                  |                                                                                                                                      |          |
|-----------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|           | ĐDSH, Chi cục kiểm lâm thụ lý hồ sơ | và ĐDSH                                                                                                                          |                                                                                                                                      |          |
|           |                                     | Chuyên viên Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH                                                               | Thẩm định hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng quy định của pháp luật thì soạn thảo văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa/lập lại hồ sơ | 01 ngày  |
|           |                                     | Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH, Lãnh đạo Chi cục xem xét thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt | Ý kiến Thẩm định                                                                                                                     | 1/2 ngày |
| <b>B3</b> | Phê duyệt                           | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                            | Ý kiến phê duyệt                                                                                                                     | 1/2 ngày |
| <b>B4</b> | Tổ chức các hoạt động thẩm định     |                                                                                                                                  |                                                                                                                                      | 03 ngày  |
| <b>B5</b> | Chi cục kiểm lâm                    | Tiếp nhận, phân công xử lý tài liệu liên thông                                                                                   | Ý kiến của lãnh đạo Chi cục, phòng                                                                                                   | 01 ngày  |
|           |                                     | Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH                                                                           | Dự thảo văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận                                                                                     | 01 ngày  |
|           |                                     | Lãnh đạo Chi cục                                                                                                                 | Xét duyệt hồ sơ                                                                                                                      | 1/2 ngày |
| <b>B6</b> | Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt      | Lãnh đạo Sở                                                                                                                      | Ý kiến phê duyệt, giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành                                                                             | 01 ngày  |
| <b>B7</b> | Bộ phận một cửa tại Trung           | Tiếp nhận, chuyển liên thông                                                                                                     | Kèm hồ sơ liên thông (Scan)                                                                                                          | 1/2 ngày |

|                                 |                                                                                                                   |                                                       |                     |                |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|----------------|
|                                 | tâm phục vụ hành chính công                                                                                       | lên UBND tỉnh                                         |                     |                |
| <b>B8</b>                       | Liên thông UBND tỉnh                                                                                              |                                                       |                     | 1.5 ngày       |
|                                 | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |                                                       |                     | 1/4 ngày       |
| <b>B9</b>                       | Tiếp nhận và trả kết quả liên thông                                                                               | Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công | Sản phẩm liên thông | 1/4 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                                                   |                                                       |                     | <b>12 ngày</b> |

**6. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 20 ngày làm việc

- Quy trình:

| <b>TT</b> | <b>Trình tự thực hiện</b>                                                            | <b>Trách nhiệm thực hiện</b>                                | <b>Sản phẩm thực hiện</b>                                                                                                            | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| <b>B1</b> | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn ( <i>Scan hồ sơ</i> )                | Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công       | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                                                                       | 1/2 ngày                   |
| <b>B2</b> | Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH Chi cục kiểm lâm thụ lý hồ sơ | Lãnh phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH | Ý kiến phân công thụ lý                                                                                                              | 1/2 ngày                   |
|           |                                                                                      | Cán bộ, Chuyên viên                                         | Thẩm định hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng quy định của pháp luật thì soạn thảo văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa/lập lại hồ sơ | 03 ngày                    |
|           |                                                                                      | Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn thiên nhiên     | Ý kiến Thẩm định                                                                                                                     | 01 ngày                    |

|                                 |                                                                                                                      |                                                                                |                                                                           |                |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------|
|                                 |                                                                                                                      | và ĐDSH, Lãnh đạo Chi cục<br>xem xét thẩm định, trình lãnh<br>đạo Sở phê duyệt |                                                                           |                |
| <b>B3</b>                       | Ý kiến phê duyệt                                                                                                     | Lãnh đạo Sở                                                                    | Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao<br>văn thư lấy số, vào sổ, phát hành | 01 ngày        |
| <b>B4</b>                       | Thành lập hội đồng thẩm định và tổ chức các hoạt động thẩm định                                                      |                                                                                |                                                                           | 05 ngày        |
| <b>B5</b>                       | Chi cục kiểm lâm                                                                                                     | Tiếp nhận, phân công xử lý tài<br>liệu liên thông                              | Ý kiến của lãnh đạo Chi cục                                               | 1/2 ngày       |
|                                 |                                                                                                                      | Phòng Bảo tồn thiên nhiên và<br>ĐDSH                                           | Dự thảo văn bản chấp thuận hoặc không<br>chấp thuận                       | 02 ngày        |
|                                 |                                                                                                                      | Lãnh đạo Chi cục                                                               | Ý kiến thẩm định                                                          | 01 ngày        |
| <b>B6</b>                       | Lãnh đạo Sở xem xét, phê<br>duyet                                                                                    | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và<br>Môi trường                                       | Ý kiến phê duyệt, giao văn thư lấy số, vào<br>sổ, phát hành               | 01 ngày        |
| <b>B7</b>                       | Bộ phận một cửa tại Trung<br>tâm phục vụ hành chính công                                                             | Tiếp nhận, chuyển liên thông<br>lên UBND tỉnh                                  | Kèm hồ sơ liên thông (Scan)                                               | 1/2 ngày       |
| <b>B8</b>                       | Liên thông UBND tỉnh                                                                                                 |                                                                                |                                                                           | 03 ngày        |
| <b>B9</b>                       | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ<br>hành chính công tỉnh |                                                                                |                                                                           | 1/2 ngày       |
| <b>B10</b>                      | Tiếp nhận và trả kết quả liên<br>thông                                                                               | Bộ phận một cửa tại Trung tâm<br>Phục vụ hành chính công                       | Sản phẩm liên thông                                                       | 1/2 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                                                      |                                                                                |                                                                           | <b>20 ngày</b> |

## II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

**1. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý**

- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 19 ngày

- Trình tự thực hiện:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện                                     | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                                                                     | Thời gian      |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B1                    | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng, đơn vị                   | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                         | 1/2 ngày       |
| B2                    | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR                                                          | Ý kiến phân công                                                                       | 1/2 ngày       |
|                       |                                                                 | Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR                                                       | Thụ lý, thẩm định các nội dung hồ sơ, dự thảo các văn bản có liên quan trình phê duyệt | 15 ngày        |
|                       |                                                                 | Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR xem xét.                                                 | Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                 | 1/2 ngày       |
| B3                    | Xem xét, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường                     | Lãnh đạo chi cục Kiểm lâm                                                              | Ý kiến trình phê duyệt                                                                 | 1/2 ngày       |
| B4                    | Phê duyệt                                                       | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT                                                          | Ký duyệt văn bản, giao vụn thư lấy số, vào sổ, phát hành                               | 01 ngày        |
| B5                    | Bàn giao hồ sơ                                                  | Chi cục Kiểm lâm                                                                       | Kết quả                                                                                | 1/2 ngày       |
| B6                    | Trả kết quả                                                     | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và MT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh         | Đính kèm kết quả                                                                       | 1/2 ngày       |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                                                 |                                                                                        |                                                                                        | <b>19 ngày</b> |

**2. Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (Trường hợp cơ sở nuôi, trồng đã được cấp mã số có thay đổi, bổ sung địa điểm nuôi, trồng, mục đích nuôi, trồng hoặc bổ sung loài nuôi, trồng mới, tổ chức)**

**2.1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 02 ngày làm việc

- Quy trình:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện                              | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                                                     | Thời gian      |
|-----------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B1                    | Tiếp nhận hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                         | ¼ ngày         |
| B2                    | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                   | Ý kiến phân công                                                       | ¼ ngày         |
|                       |                                                          | Chuyên viên Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                | Thụ lý hồ sơ                                                           | 1/2 ngày       |
|                       |                                                          | Lãnh đạo Phòng                                                                         | Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm xét duyệt                       | 1/2 ngày       |
| B3                    | Xem xét, phê duyệt                                       | - Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                            | - Quyết định cấp mã số cơ sở gây, nuôi.<br>- Thông báo không cấp mã số | 1/4 ngày       |
| B4                    | Trả kết quả                                              | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | - Hồ sơ, mã số cơ sở gây, nuôi.<br>- Thông báo không cấp mã số.        | ¼ ngày         |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                                          |                                                                                        |                                                                        | <b>02 ngày</b> |

**2.2. Trường hợp cần kiểm tra thực tế:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 10,5 ngày làm việc
- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                              | Trách nhiệm thực hiện                                                                     | Sản phẩm thực hiện                                                                        | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh    | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                            | 1/2 ngày  |
| B2 | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ | - Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                    | - Ý kiến phân công                                                                        | ½ ngày    |
|    |                                                          | - Chuyên viên Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp<br>- Kiểm lâm phụ trách địa bàn | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.                                                | 07 ngày   |
|    |                                                          |                                                                                           | - Kiểm tra xác minh tại cơ sở đăng ký cấp mã gây nuôi; tại nơi cấp con giống gây nuôi,... |           |
|    |                                                          | - Lãnh đạo Phòng                                                                          | - Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                  | 01 ngày   |
| B4 | Xem xét, phê duyệt                                       | - Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                               | - Quyết định cấp mã số cơ sở gây, nuôi.<br>- Thông báo không cấp mã số                    | 01 ngày   |

|                       |             |                                                                                        |                                                                                                                        |                  |
|-----------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| B5                    | Trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ, mã số cơ sở gây, nuôi</li> <li>- Thông báo không cấp mã số.</li> </ul> | 1/2 ngày         |
| <b>Tổng thời gian</b> |             |                                                                                        |                                                                                                                        | <b>10,5 ngày</b> |

**2.3. Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).

- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                              | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                                                                                         | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                                             | ½ ngày    |
| B2 | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                   | - Ý kiến phân công                                                                                         | 1/2 ngày  |
|    |                                                          | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                            | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.                                                                 | 04 ngày   |
|    |                                                          | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                            | - Trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm văn bản về việc gửi hồ sơ cho cơ quan thẩm quyền quản lý CITIES Việt Nam | 1/2 ngày  |

|                       |                                                                                    |                                                                                        |                                                                                   |                |
|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B3                    | Xem xét nội dung văn bản                                                           | Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                              | - Văn bản về việc gửi hồ sơ cho cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam         | 01 ngày        |
| B4                    | Xem xét, xử lý hồ sơ                                                               | Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam                                           | - Gửi hồ sơ, văn bản của Chi cục Kiểm lâm cho Ban Thư ký CITES                    | 02 ngày        |
| B5                    | Trường hợp kể từ ngày nhận được chấp thuận của Ban Thư ký CITES                    | Cơ quan quản lý CITES Việt Nam                                                         | - Thông báo bằng văn bản chấp thuận Ban Thư ký CITES gửi cơ quan cấp mã số        | 02 ngày        |
| B6                    | Xem xét cấp mã số                                                                  | Chi cục Kiểm lâm tỉnh                                                                  | Xem xét cấp mã số cho chủ cơ sở nuôi, trồng                                       | 03 ngày        |
| B7                    | Trường hợp kể từ ngày nhận được thông báo từ chối duyệt hồ sơ của Ban Thư ký CITES | Cơ quan quản lý CITES Việt Nam                                                         | - Thông báo bằng văn bản từ chối duyệt của Ban Thư ký CITES gửi cơ quan cấp mã số | 01 ngày        |
| B8                    | Xem xét, thông báo bằng văn bản                                                    | Chi cục Kiểm lâm tỉnh                                                                  | Thông báo bằng văn bản về việc không cấp mã số                                    | 01 ngày        |
| B9                    | Trả kết quả                                                                        | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | - Mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng<br>- Thông báo không cấp mã số                    | 1/2 ngày       |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                                                                    |                                                                                        |                                                                                   | <b>16 ngày</b> |

**2.4. Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu):**

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 6,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                              | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                                              | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                  | 1/8 ngày  |
| B2 | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp,                                  | - Ý kiến phân công                                              | 1/8 ngày  |
|    |                                                          | Chuyên viên Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                | - Văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan Khoa học Cities Việt Nam |           |
|    |                                                          | Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                   | - Ý kiến xét duyệt trình lãnh đạo Chi cục                       | 1/8 ngày  |
| B3 | Xem xét nội dung văn bản                                 | Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                              | - Gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan Khoa học Cities      | 1/8 ngày  |

|                       |                      |                                  |                                                                                                                                                                          |                 |
|-----------------------|----------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                       |                      |                                  | Việt Nam                                                                                                                                                                 |                 |
| B4                    | Xem xét, xử lý hồ sơ | Cơ quan Khoa học Cities Việt Nam | - Văn bản đối với nội dung xác nhận ảnh hưởng hoặc không ảnh hưởng của việc nuôi, trồng đến sự tồn tại của loài nuôi, trồng và các loài khác có liên quan trong tự nhiên | 06 ngày         |
| <b>Tổng thời gian</b> |                      |                                  |                                                                                                                                                                          | <b>6,5 ngày</b> |

### 3. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES

#### 3.1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 02 ngày làm việc

- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                              | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện             | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ | ¼ ngày    |
| B2 | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                   | Ý kiến phân công               | ¼ ngày    |
|    |                                                          | Chuyên viên Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                | Thụ lý hồ sơ                   | 1/2 ngày  |

|                       |                    |                                                                                              |                                                                           |                |
|-----------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------|
|                       |                    | Lãnh đạo Phòng                                                                               | Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục<br>Kiểm lâm xét duyệt                       | 1/2 ngày       |
| B3                    | Xem xét, phê duyệt | - Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                                  | - Quyết định cấp mã số cơ sở<br>gây, nuôi.<br>- Thông báo không cấp mã số | 1/4 ngày       |
| B4                    | Trả kết quả        | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp<br>và Môi trường tại Trung tâm phục<br>vụ Hành chính công tỉnh | - Hồ sơ, mã số cơ sở gây, nuôi.<br>- Thông báo không cấp mã số.           | ¼ ngày         |
| <b>Tổng thời gian</b> |                    |                                                                                              |                                                                           | <b>02 ngày</b> |

### 3.2. Trường hợp cần kiểm tra thực tế:

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 10,5 ngày làm việc

- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                                 | Trách nhiệm thực hiện                                                                        | Sản phẩm thực hiện                            | Thời gian |
|----|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ                                             | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp<br>và Môi trường tại Trung tâm phục<br>vụ Hành chính công tỉnh | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                | 1/2 ngày  |
| B2 | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về<br>lâm nghiệp thụ lý hồ sơ | - Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi<br>phạm về lâm nghiệp                                    | - Ý kiến phân công                            | ½ ngày    |
|    |                                                             | - Chuyên viên Phòng Điều tra, xử lý<br>vi phạm về lâm nghiệp                                 | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ<br>của hồ sơ. | 07 ngày   |

|                       |                    |                                                                                        |                                                                                           |                  |
|-----------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|                       |                    | - Kiểm lâm phụ trách địa bàn                                                           | - Kiểm tra xác minh tại cơ sở đăng ký cấp mã gây nuôi; tại nơi cấp con giống gây nuôi,... |                  |
|                       |                    | - Lãnh đạo Phòng                                                                       | - Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                  | 01 ngày          |
| B4                    | Xem xét, phê duyệt | - Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                            | - Quyết định cấp mã số cơ sở gây, nuôi.<br>- Thông báo không cấp mã số                    | 01 ngày          |
| B5                    | Trả kết quả        | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | - Hồ sơ, mã số cơ sở gây, nuôi<br>- Thông báo không cấp mã số.                            | 1/2 ngày         |
| <b>Tổng thời gian</b> |                    |                                                                                        |                                                                                           | <b>10,5 ngày</b> |

**3.3. Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).

- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm thực hiện         | Sản phẩm thực hiện             | Thời gian |
|----|-----------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ             | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ | ½ ngày    |

|    |                                                                   |                                                          |                                                                                                           |          |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|    |                                                                   | và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh |                                                                                                           |          |
| B2 | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ          | Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp     | - Ý kiến phân công                                                                                        | 1/2 ngày |
|    |                                                                   | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp              | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.                                                                | 04 ngày  |
|    |                                                                   | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp              | - Trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm văn bản về việc gửi hồ sơ cho cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam | 1/2 ngày |
| B3 | Xem xét nội dung văn bản                                          | Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                | - Văn bản về việc gửi hồ sơ cho cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam                                 | 01 ngày  |
| B4 | Xem xét, xử lý hồ sơ                                              | Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam             | - Gửi hồ sơ, văn bản của Chi cục Kiểm lâm cho Ban Thư ký CITES                                            | 02 ngày  |
| B5 | Trường hợp kể từ ngày nhận được chấp thuận của Ban Thư ký CITES   | Cơ quan quản lý CITES Việt Nam                           | - Thông báo bằng văn bản chấp thuận Ban Thư ký CITES gửi cơ quan cấp mã số                                | 02 ngày  |
| B6 | Xem xét cấp mã số                                                 | Chi cục Kiểm lâm tỉnh                                    | Xem xét cấp mã số cho chủ cơ sở nuôi, trồng                                                               | 03 ngày  |
| B7 | Trường hợp kể từ ngày nhận được thông báo từ chối duyệt hồ sơ của | Cơ quan quản lý CITES Việt Nam                           | - Thông báo bằng văn bản từ chối duyệt của Ban Thư ký                                                     | 01 ngày  |

|                       |                                 |                                                                                        |                                                                |                |
|-----------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------|
|                       | Ban Thư ký CITES                |                                                                                        | CITES gửi cơ quan cấp mã số                                    |                |
| B8                    | Xem xét, thông báo bằng văn bản | Chi cục Kiểm lâm tỉnh                                                                  | Thông báo bằng văn bản về việc không cấp mã số                 | 01 ngày        |
| B9                    | Trả kết quả                     | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | - Mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng<br>- Thông báo không cấp mã số | 1/2 ngày       |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                 |                                                                                        |                                                                | <b>16 ngày</b> |

**3.4. Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu):**

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 6,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

| TT | Các bước trình tự thực hiện                              | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện             | Thời gian |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ | 1/8 ngày  |
| B2 | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ | -Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp,                                 | - Ý kiến phân công             | 1/8 ngày  |

|                       |                          |                                                           |                                                                                                                                                                          |                 |
|-----------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                       |                          | - Chuyên viên Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp | - Văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan Khoa học Cities Việt Nam                                                                                                          |                 |
|                       |                          | Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp      | - Ý kiến xét duyệt trình lãnh đạo Chi cục                                                                                                                                | 1/8 ngày        |
| B3                    | Xem xét nội dung văn bản | Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                 | - Gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan Khoa học Cities Việt Nam                                                                                                      | 1/8 ngày        |
| B4                    | Xem xét, xử lý hồ sơ     | Cơ quan Khoa học Cities Việt Nam                          | - Văn bản đối với nội dung xác nhận ảnh hưởng hoặc không ảnh hưởng của việc nuôi, trồng đến sự tồn tại của loài nuôi, trồng và các loài khác có liên quan trong tự nhiên | 06 ngày         |
| <b>Tổng thời gian</b> |                          |                                                           |                                                                                                                                                                          | <b>6,5 ngày</b> |

#### **4. Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ**

##### **\* Trường hợp không kiểm tra, xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 3,5 ngày làm việc
- Quy trình:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện                              | Trách nhiệm thực hiện                                                                       | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                                                                                            | Thời gian       |
|-----------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| B1                    | Tiếp nhận hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh      | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                                                                                                                                                | 1/4 ngày        |
| B2                    | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ | - Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                      | - Ý kiến phân công                                                                                                                                                                                            | 1/2 ngày        |
|                       |                                                          | - Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                               | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.                                                                                                                                                                    | 1,5 ngày        |
|                       |                                                          | - Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                               | - Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                                                                                                                                      | 1/2 ngày        |
| B3                    | Xem xét, phê duyệt                                       | - Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                                 | - Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc thông báo nêu lý do không được phân loại Nhóm I                                                                                  | 1/2 ngày        |
| B4                    | Trả kết quả                                              | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc | - Hồ sơ, thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp đăng ký phân loại ( <i>Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc thông báo nêu lý do không được phân loại Nhóm I</i> ) | 1/4 ngày        |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                                          |                                                                                             |                                                                                                                                                                                                               | <b>3,5 ngày</b> |

**\* Trường hợp kiểm tra, xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 8,5 ngày làm việc
- Quy trình:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện                              | Trách nhiệm thực hiện                                                                                                                                                                   | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                                                                                     | Thời gian       |
|-----------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| B1                    | Tiếp nhận hồ sơ                                          | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công                                                                                                       | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                                                                                                                                         | ¼ ngày          |
| B2                    | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ | Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp thụ lý hồ sơ                                                                                                                                | - Ý kiến phân công                                                                                                                                                                                     | 1/2 ngày        |
|                       |                                                          | - Chuyên viên Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                                                                                                               | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.                                                                                                                                                             | 01 ngày         |
|                       |                                                          | - Chuyên viên Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp<br>- Hạt Kiểm lâm nơi doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc nơi có cơ sở chế biến gỗ của doanh nghiệp; Kiểm lâm phụ trách địa bàn | - Kiểm tra, xác minh tính chính xác của thông tin tự kê khai của doanh nghiệp                                                                                                                          | 05 ngày         |
|                       |                                                          | Lãnh đạo Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp                                                                                                                                    | Xét duyệt                                                                                                                                                                                              | 01 ngày         |
| B4                    | Xem xét, phê duyệt                                       | - Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                                                                                                                             | Ý kiến phê duyệt                                                                                                                                                                                       | 1/2 ngày        |
| B5                    | Trả kết quả                                              | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh                                                                   | - Thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp đăng ký phân loại ( <i>Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc thông báo nêu lý do không được phân loại Nhóm I</i> ) | ¼ ngày          |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                                          |                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                        | <b>8,5 ngày</b> |

**5. Tên TTHC: Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng**

**a) Trường hợp không phải xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 5 ngày làm việc

- Trình tự thực hiện:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện                                     | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                       | Thời gian      |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------|
| B1                    | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng, đơn vị                   | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ           | 1/4 ngày       |
| B3                    | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR                                                          | Ý kiến phân công                         | 1/4 ngày       |
|                       |                                                                 | Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và Phát triển rừng                                         | Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. | 3 ngày         |
|                       |                                                                 | Lãnh đạo phòng Sử dụng và Phát triển rừng xem xét.                                     | Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm   | 1/2 ngày       |
| B4                    | Xét duyệt                                                       | Lãnh đạo chi cục Kiểm lâm                                                              | Ý kiến trình phê duyệt                   | 1/4 ngày       |
| B5                    | Phê duyệt                                                       | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                  | Ý kiến phê duyệt đối với Phương án       | 1/4 ngày       |
| B6                    | Bàn giao hồ sơ                                                  | Chi cục Kiểm lâm                                                                       | Kết quả (QĐ phê duyệt)                   | 1/4 ngày       |
| B7                    | Trả kết quả                                                     | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Đính kèm kết quả (Quyết định phê duyệt)  | 1/4 ngày       |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                                                 |                                                                                        |                                          | <b>05 ngày</b> |

**b) Trường hợp phải xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc
- Trình tự thực hiện:

| <b>TT</b>             | <b>Các bước trình tự thực hiện</b>                              | <b>Trách nhiệm thực hiện</b>                                                           | <b>Sản phẩm thực hiện</b>                                                                               | <b>Thời gian</b> |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| B1                    | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng, đơn vị                   | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                                          | 1/4 ngày         |
| B3                    | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR                                                          | Ý kiến phân công                                                                                        | 1/2 ngày         |
|                       |                                                                 | Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và PTR                                                     | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.<br>- Kiểm tra, xác minh tại cơ sở, dự thảo các văn bản trình | 5 ngày           |
|                       |                                                                 | Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR xem xét.                                                 | Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm                                                                  | 1/2 ngày         |
| B4                    | Xét duyệt hồ sơ, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường             | Lãnh đạo chi cục Kiểm lâm                                                              | Ý kiến trình phê duyệt                                                                                  | 1/2 ngày         |
| B5                    | Phê duyệt                                                       | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT                                                          | Ý kiến phê duyệt đối với Phương án                                                                      | 1/4 ngày         |
| B6                    | Bàn giao hồ sơ                                                  | Chi cục Kiểm lâm                                                                       | Kết quả                                                                                                 | 1/4 ngày         |
| B7                    | Trả kết quả                                                     | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh | Đính kèm kết quả                                                                                        | 1/4 ngày         |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                                                 |                                                                                        |                                                                                                         | <b>7,5 ngày</b>  |

**6. Xác nhận bảng kê lâm sản****\* Trường hợp không phải xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 1,5 ngày làm việc
- Quy trình:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện    | Trách nhiệm thực hiện                                                                                                     | Sản phẩm thực hiện                                                                                          | Thời gian       |
|-----------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| B1                    | T<br>iếp nhận hồ sơ            | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp<br>và Môi trường tại Trung tâm phục<br>vụ Hành chính công tỉnh hoặc Hạt<br>Kiểm lâm khu vực | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                                              | ¼ ngày          |
| B2                    | Xem xét, phân công             | Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                                                                                     | - Ý kiến phân công                                                                                          | 1/4 ngày        |
| B3                    | Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ<br>trách pháp chế                                                                       | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ<br>của hồ sơ.                                                               | 1/4 ngày        |
|                       |                                | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ<br>trách pháp chế                                                                       | - Ý kiến trình lãnh đạo Hạt<br>Kiểm lâm                                                                     | 1/4 ngày        |
| B4                    | Xem xét, phê duyệt             | - Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                                                                                   | - Bảng kê lâm sản được xác<br>nhận<br>- Văn bản không đảm bảo điều<br>kiện xác nhận bảng kê lâm sản         | 1/4 ngày        |
| B5                    | Trả kết quả                    | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp<br>và Môi trường tại Trung tâm phục<br>vụ Hành chính công tỉnh hoặc Hạt<br>Kiểm lâm Khu vực | - Hồ sơ, Bảng kê lâm sản được<br>xác nhận.<br>- Văn bản không đảm bảo điều<br>kiện xác nhận bảng kê lâm sản | ¼ ngày          |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                |                                                                                                                           |                                                                                                             | <b>1,5 ngày</b> |

**\* Trường hợp phải xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 03 ngày làm việc
- Quy trình:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện    | Trách nhiệm thực hiện                                                                                    | Sản phẩm thực hiện                                                                                    | Thời gian      |
|-----------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B1                    | Tiếp nhận hồ sơ                | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc Hạt Kiểm lâm | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                                        | 1/4 ngày       |
| B2                    | Xem xét, phân công             | - Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                                                                  | - Ý kiến phân công                                                                                    | 1/4 ngày       |
| B3                    | Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ trách pháp chế                                                         | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.                                                            | 1/4 ngày       |
|                       |                                | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ trách pháp chế<br>- Kiểm lâm phụ trách địa bàn                         | - Kiểm tra, xác minh nguồn gốc lâm sản                                                                | 1,5 ngày       |
|                       |                                | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ trách pháp chế                                                         | - Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                                                  | 1/4 ngày       |
| B4                    | Xem xét, phê duyệt             | - Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                                                                  | - Bảng kê lâm sản được xác nhận<br>- Văn bản không đảm bảo điều kiện xác nhận bảng kê lâm sản         | 1/4 ngày       |
| B5                    | Trả kết quả                    | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc Hạt Kiểm lâm | - Hồ sơ, Bảng kê lâm sản được xác nhận.<br>- Văn bản không đảm bảo điều kiện xác nhận bảng kê lâm sản | ¼ ngày         |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                |                                                                                                          |                                                                                                       | <b>03 ngày</b> |

## 7. Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên

### \* Trường hợp không phải xác minh:

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4 ngày làm việc
- Quy trình:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện    | Trách nhiệm thực hiện                                                                                              | Sản phẩm thực hiện                                                                 | Thời gian      |
|-----------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B1                    | Tiếp nhận hồ sơ                | - Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc Hạt Kiểm lâm         | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                     | ¼ ngày         |
| B2                    | Xem xét, phân công             | - Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm khu vực                                                                                    | - Ý kiến phân công                                                                 | 1/2 ngày       |
| B3                    | Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ trách pháp chế                                                                   | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.                                         | 02 ngày        |
|                       |                                | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ trách pháp chế                                                                   | - Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                               | 1/2 ngày       |
| B4                    | Xem xét, phê duyệt             | - Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                                                                            | - Quyết định phê duyệt đối với phương án.<br>- Thông báo không phê duyệt phương án | 1/2 ngày       |
| B5                    | Trả kết quả                    | - Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc Hạt Kiểm lâm khu vực | - Quyết định phê duyệt đối với phương án.<br>- Thông báo không phê duyệt phương án | ¼ ngày         |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                |                                                                                                                    |                                                                                    | <b>04 ngày</b> |

**\* Trường hợp phải xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày làm việc
- Quy trình:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện    | Trách nhiệm thực hiện                                                                                      | Sản phẩm thực hiện                                                                 | Thời gian       |
|-----------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| B1                    | Tiếp nhận hồ sơ                | - Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc Hạt Kiểm lâm | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                     | ¼ ngày          |
| B2                    | Xem xét, phân công             | - Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                                                                    | - Ý kiến phân công                                                                 | 1/2 ngày        |
| B3                    | Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ trách pháp chế                                                           | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.                                         | 1/2 ngày        |
|                       |                                | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ trách pháp chế<br>- Kiểm lâm phụ trách địa bàn                           | - Kiểm tra, xác minh tại cơ sở                                                     | 02 ngày         |
|                       |                                | - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phụ trách pháp chế                                                           | - Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                               | 1/2 ngày        |
| B4                    | Xem xét, phê duyệt             | - Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm                                                                                    | - Quyết định Phê duyệt đối với phương án.<br>- Thông báo không phê duyệt phương án | 1/2 ngày        |
| B5                    | Trả kết quả                    | - Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc Hạt Kiểm lâm | - Quyết định Phê duyệt đối với phương án.<br>- Thông báo không phê duyệt phương án | ¼ ngày          |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                |                                                                                                            |                                                                                    | <b>4,5 ngày</b> |

### III. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND CẤP XÃ

**1. Tên TTHC:** Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 18 ngày

- Trình tự thực hiện:

| TT                    | Các bước trình tự thực hiện                          | Trách nhiệm thực hiện                               | Sản phẩm thực hiện                                                                     | Thời gian      |
|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B1                    | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng, đơn vị        | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp xã | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                         | 1/2 ngày       |
| B3                    | Phòng Kinh tế thuộc UBND xã thụ lý, giải quyết hồ sơ | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                              | Ý kiến phân công                                                                       | 1/2 ngày       |
|                       |                                                      | Chuyên viên phòng Kinh tế                           | Thụ lý, thẩm định các nội dung hồ sơ, dự thảo các văn bản có liên quan trình phê duyệt | 14 ngày        |
|                       |                                                      | Lãnh đạo phòng Kinh tế xem xét                      | Ý kiến trình lãnh đạo                                                                  | 01 ngày        |
| B4                    | Lãnh đạo UBND cấp xã                                 | Lãnh đạo UBND xã                                    | Ý kiến phê duyệt đối với Phương án                                                     | 01 ngày        |
| B5                    | Bàn giao hồ sơ                                       | Phòng Kinh tế                                       | Quyết định phê duyệt                                                                   | 1/2 ngày       |
| B6                    | Trả kết quả                                          | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp xã | Đính kèm kết quả (Quyết định phê duyệt)                                                | 1/2 ngày       |
| <b>Tổng thời gian</b> |                                                      |                                                     |                                                                                        | <b>18 ngày</b> |

**2. Tên TTHC: Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã**

**a) Trường hợp không phải xác minh**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 05 ngày làm việc
- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                                                                             | Sản phẩm thực hiện                                                                  | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã                                       | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                      | 1/4 ngày            |
| B2 | Phòng Kinh tế               | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                                                            | Ý kiến phân công                                                                    | 1/4 ngày            |
|    |                             | Chuyên viên Phòng Kinh tế                                                                         | Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ; dự thảo nội dung trình phê duyệt phương án | 3,5 ngày            |
|    |                             | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                                                            | Ý kiến trình phê duyệt                                                              | 1/4 ngày            |
| B3 | Chuyển lãnh đạo UBND cấp xã | Lãnh đạo UBND cấp xã                                                                              | Ý kiến phê duyệt đối với phương án                                                  | 1/4 ngày            |
| B4 | Đóng dấu phát hành          | Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã | Văn bản phát hành                                                                   | 1/4 ngày            |

|                                 |             |                                                             |                                |               |
|---------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------|
| B5                              | Trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | Quyết định phê duyệt phương án | 1/4 ngày      |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |             |                                                             |                                | <b>5 ngày</b> |

**a) Trường hợp phải xác minh**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc
- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                               | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                                                                                      | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp xã | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ                                                                                                                                                                          | 1/4 ngày            |
| B2 | Phòng Kinh tế               | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                              | Ý kiến phân công                                                                                                                                                                                        | 1/4 ngày            |
|    |                             | Chuyên viên Phòng Kinh tế                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;</li> <li>- Tham mưu thực hiện kiểm tra hiện trường;</li> <li>- Dự thảo nội dung trình phê duyệt phương án.</li> </ul> | 5 ngày              |

|                                 |                         |                                                                                                   |                                |                 |
|---------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------|
|                                 |                         | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                                                            | Ý kiến trình phê duyệt         | 1 ngày          |
| B3                              | Chuyển lãnh đạo UBND xã | Lãnh đạo UBND cấp xã                                                                              | Ý kiến phê duyệt phương án     | 1/2 ngày        |
| B4                              | Đóng dấu phát hành      | Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã | Văn bản phát hành              | 1/4 ngày        |
| B5                              | Trả kết quả             | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Hành chính công cấp xã                                               | Quyết định phê duyệt phương án | 1/4 ngày        |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                         |                                                                                                   |                                | <b>7,5 ngày</b> |

### 3. Tên TTHC: Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 3,5 ngày
- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                                       | Sản phẩm thực hiện             | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ | 1/4 ngày            |
| B2 | Phòng Kinh tế               | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                      | Ý kiến phân công               | 1/4 ngày            |

|                                 |                    |                                                                                                       |                                                                          |                 |
|---------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                 |                    | Chuyên viên Phòng Kinh tế                                                                             | Tham mưu tổ chức kiểm tra hiện trường, lập biên bản                      | 2 ngày          |
| B3                              | Ký duyệt hồ sơ     | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                                                                | Ý kiến duyệt                                                             | 1/2 ngày        |
| B4                              | Đóng dấu phát hành | Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Văn bản phát hành ( <i>Biên bản</i> )                                    | 1/4 ngày        |
| B5                              | Trả kết quả        | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã                                           | Biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, thiệt hại rừng trồng | 1/4 ngày        |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                    |                                                                                                       |                                                                          | <b>3,5 ngày</b> |

**4. Tên TTHC: Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày
- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                                       | Sản phẩm thực hiện             | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | Kèm theo phiếu kiểm soát hồ sơ | 1/4 ngày            |

|                                 |                                                                                                                     |                                                             |                                                                                                                                 |                |
|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B2                              | Phòng Kinh tế                                                                                                       | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                      | Ý kiến phân công                                                                                                                | 1/4 ngày       |
|                                 |                                                                                                                     | Chuyên viên                                                 | - Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;<br>- Tham mưu thực hiện kiểm tra xác minh;<br>- Dự thảo các văn bản trình phê duyệt. | 7,5 ngày       |
|                                 |                                                                                                                     | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                      | Ý kiến trình phê duyệt                                                                                                          | 1/2 ngày       |
| B3                              | Chuyển lãnh đạo UBND cấp xã                                                                                         | Lãnh đạo UBND cấp xã                                        | Ý kiến phê duyệt các văn bản trình. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành                                                      | 1/2 ngày       |
| B9                              | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                                          | Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | Đính kèm HS liên thông (scan)                                                                                                   | 1/4 ngày       |
| Liên thông UBND tỉnh            |                                                                                                                     |                                                             |                                                                                                                                 | 05 ngày        |
|                                 | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã |                                                             |                                                                                                                                 | 1/2 ngày       |
| B10                             | Tiếp nhận hồ sơ liên thông và trả kết quả                                                                           | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC cấp xã                       | Quyết định                                                                                                                      | 1/4 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                                                     |                                                             |                                                                                                                                 | <b>15 ngày</b> |